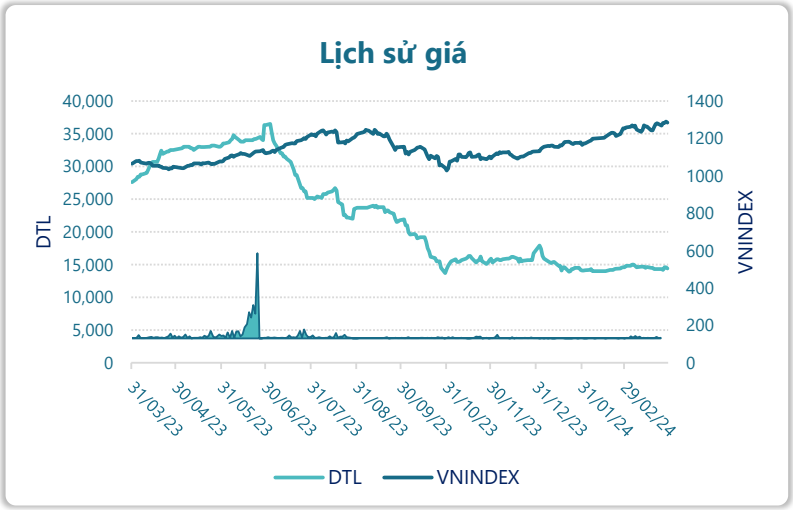
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,700
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	945
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	873
P/E	-6.8
EPS	-2,119

DT thuần

Q1/24

370

tỷ VNĐ

QoQ: ▼106| -22.3%

YoY: ▼174| -32.0%

LN sau thuế

Q1/24

-24.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.2| 31.0%

YoY: ▲ 14.2| 36.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

-1.6%

+/- YoY: ▲ 2.5%

DT thuần

2023

1,972

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 359| 22.3%

LN sau thuế

2023

-156

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -2.3%

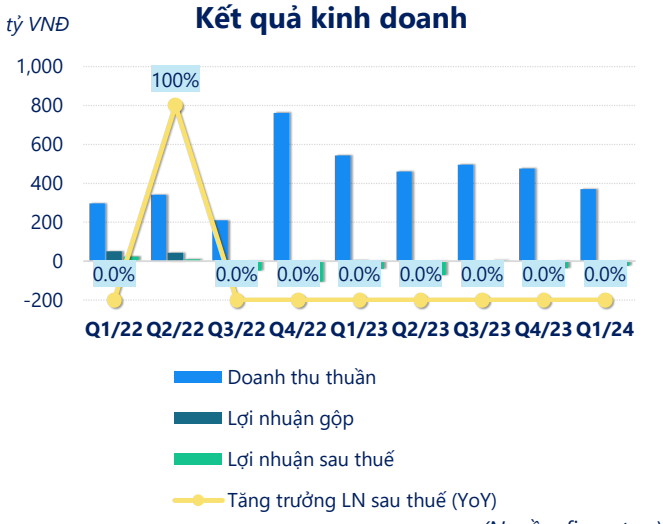
ROE

2023

-18.7%

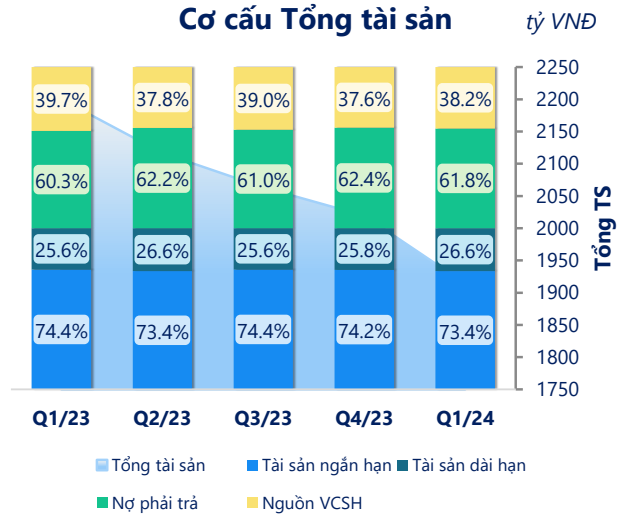
+/- YoY: ▼ 3.3%

Kết quả kinh doanh



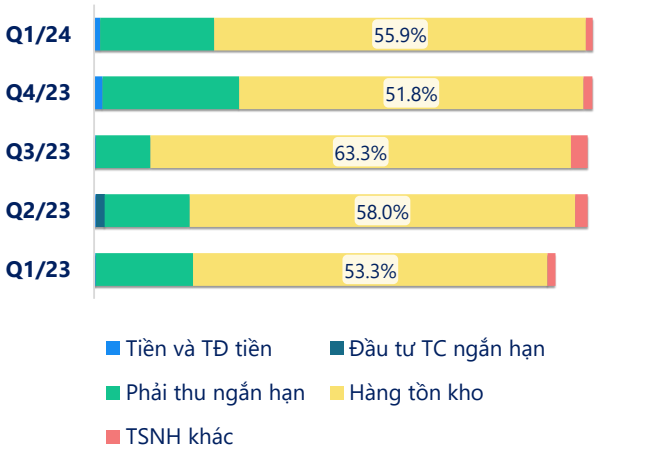
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



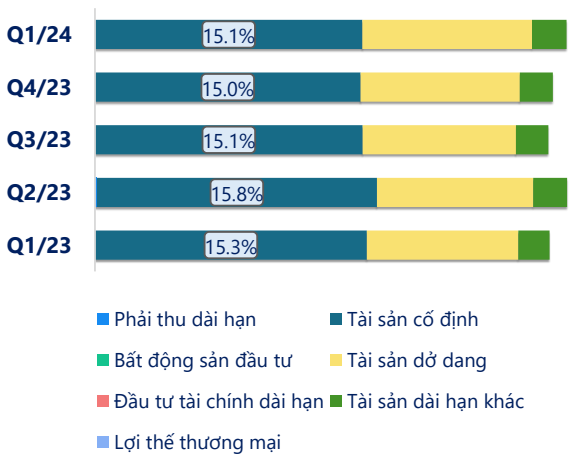
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



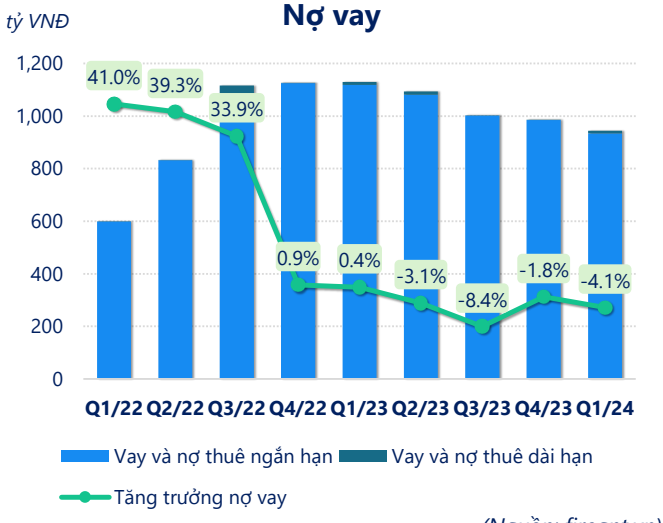
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



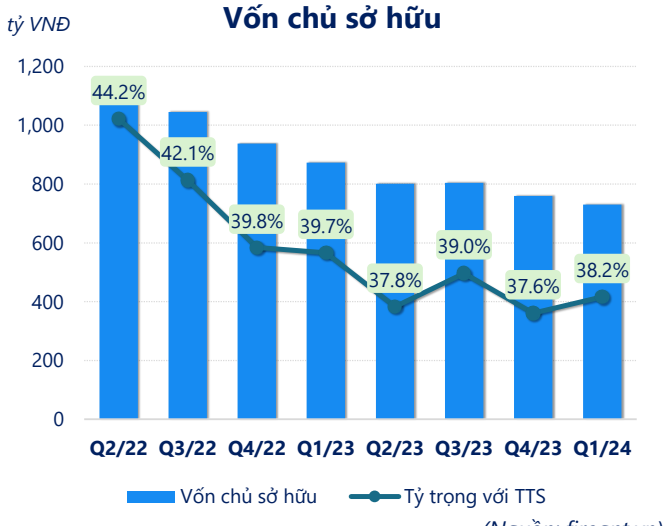
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



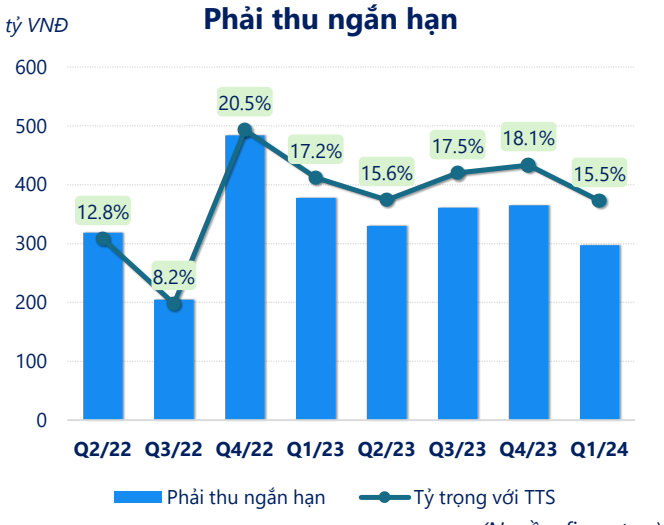
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



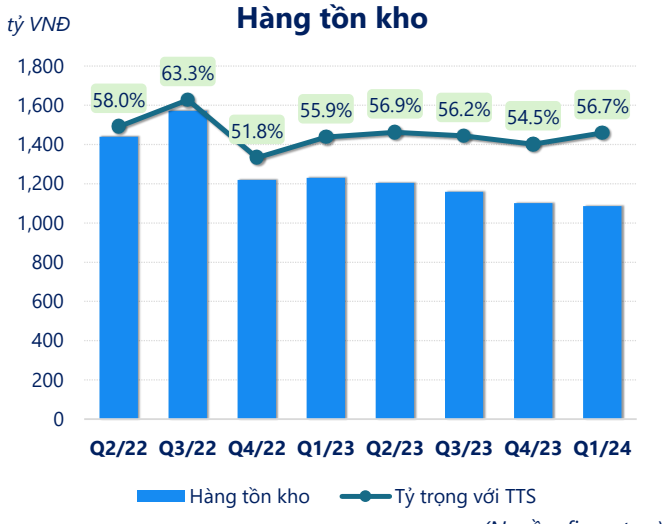
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



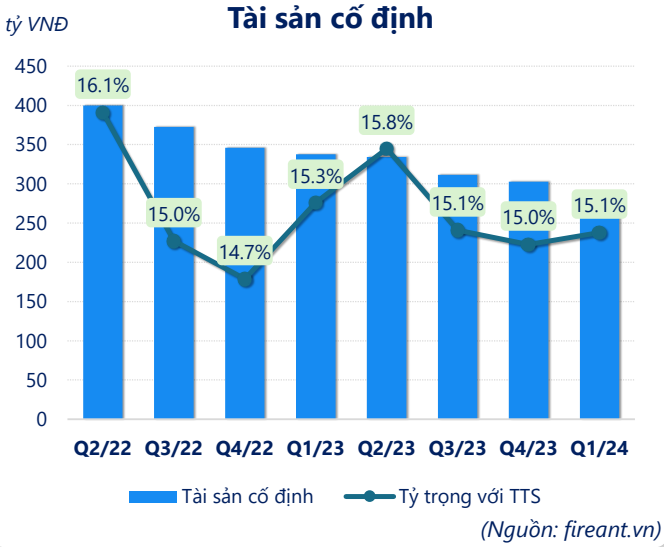
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



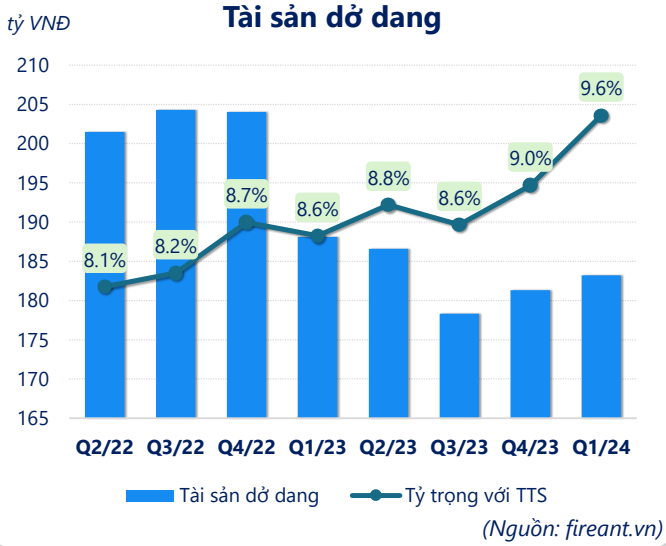
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



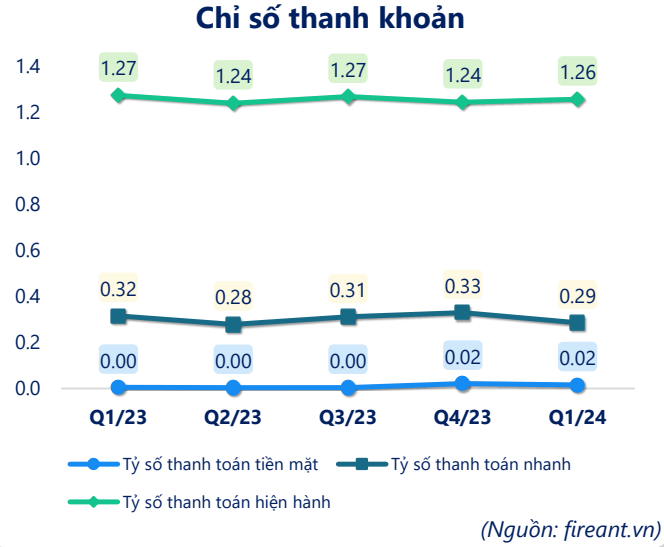
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



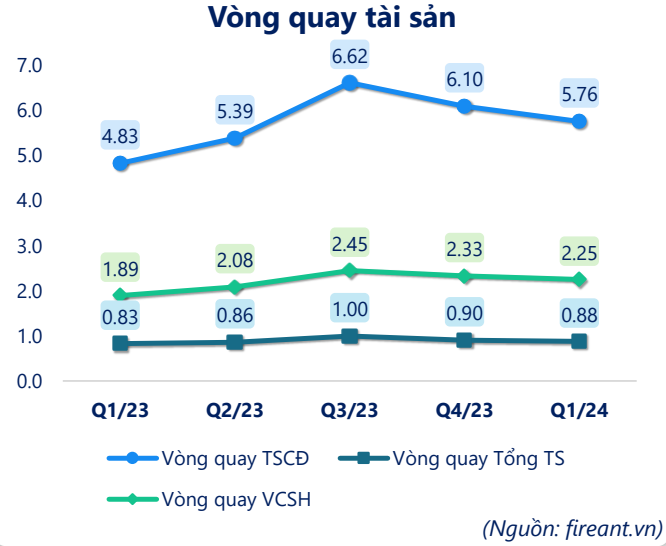
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,200**	**2,117**	**2,063**	**2,019**	**1,914**
Tài sản ngắn hạn	**1,636**	**1,553**	**1,535**	**1,498**	**1,405**
Tiền và tương đương tiền	5.79	4.74	4.76	25.9	17.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	378	330	361	365	297
Hàng tồn kho	1,230	1,204	1,159	1,101	1,086
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	14.0	10.7	6.22	4.01
Tài sản dài hạn	**564**	**564**	**528**	**522**	**509**
Phải thu dài hạn	0	2.23	0	0	0
Tài sản cố định	337	334	312	303	289
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	188	187	178	181	183
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	38.5	40.7	37.9	37.7	37.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,327**	**1,316**	**1,259**	**1,260**	**1,184**
Nợ ngắn hạn	**1,284**	**1,252**	**1,210**	**1,203**	**1,117**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,118	1,081	1,002	984	934
Phải trả người bán ngắn hạn	120	102	114	158	96.3
Nợ dài hạn	43.4	63.7	49.4	56.7	66.3
Vay và nợ thuê dài hạn	11.1	12.4	0.17	0.02	9.69
Nguồn vốn chủ sở hữu	**873**	**801**	**804**	**759**	**730**
Vốn chủ sở hữu	**873**	**801**	**804**	**759**	**730**
Vốn điều lệ	614	614	614	614	614
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)